



VƯỢT QUA THỬ THÁCH  
CHUNG SỨC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012  
ANNUAL REPORT 2012



# Mục lục

<b>I.Thông tin chung</b>	04
Thông tin khái quát	04
Quá trình hình thành và phát triển	04
Ngành nghề và các địa bàn kinh doanh	04
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	05
Định hướng phát triển	05
Các rủi ro	05
<b>II.Tình hình hoạt động trong năm</b>	08
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	10
Tổ chức và nhân sự	12
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	14
Tình hình tài chính	15
Cơ cấu cổ đông, thay đổi chủ sở hữu	15
<b>III.Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám Đốc</b>	16
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	18
Tình hình tài chính	20
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	20
Kế hoạch phát triển trong tương lai	20
<b>IV.Đánh giá của Hội Đồng quản trị về hoạt động của Công ty</b>	22
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty	24
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	24
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	24
<b>V.Quản trị công ty</b>	26
Hội đồng quản trị	28
Ban kiểm soát	30
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Người quản lý năm 2012	32
<b>VI.Kế hoạch hoạt động năm 2013</b>	34
Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2013	36
Công tác tổ chức	36
<b>VII.Báo Cáo Tài Chính</b>	38
Bảng cân đối kế toán	40
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	44
Thuyết minh tài chính	48

# THƯ NGỎ của CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*Kính thưa quý vị,*

Năm 2012 khép lại với nhiều nỗi lo khi nền kinh tế chưa vượt qua được sự trì trệ của khủng hoảng.

Dường như không có một đất nước, một công ty hay một cá nhân nào, dù có lớn mạnh, hay nguồn vốn dồi dào, có thể tránh khỏi thiệt hại trong cuộc đại khủng hoảng này. Trước những thách thức khắc nghiệt của thị trường, Navifco vẫn chưa mang lại lợi nhuận kỳ vọng như đã hứa với các cổ đông. Thay mặt Hội Đồng Quản Trị, chúng tôi xin nhận trách nhiệm trước toàn thể cổ đông về tình hình sa sút của Công Ty Navifco trong những năm gần đây.

Dự báo kinh tế năm 2013, nguy cơ bất ổn và lạm phát vẫn tiềm tàng, các cơ sở cho việc khôi phục ổn định và tăng trưởng vẫn còn yếu.

Đối phó với tình hình này, chúng tôi - Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành và toàn thể Cán Bộ Công Nhân Viên Navifco – quyết tâm tận tâm, tận lực, đoàn kết, kiên trì tiếp tục con đường phát triển của công ty bằng cách:

- Tiếp tục phổ biến các Giá Trị Cốt Lõi của công ty nhằm tạo niềm tin và động lực vượt qua khó khăn chung.
- Tăng cường đầu tư vào nguồn vốn con người, sắp xếp lại bộ máy nhân lực, chú trọng đào tạo đội ngũ nhân viên trẻ kế thừa có trình độ, năng động, mạnh mẽ, có trách nhiệm, có ý chí... như một sức mạnh, tiếp sức đưa công ty vượt qua thử thách.
- Tái cấu trúc về vốn và công nghệ, tuân thủ những nguyên tắc chặt chẽ trong quản lý tài chính mà hiệu suất vốn là điều cốt lõi.
- Tiếp tục thực hiện thành công các chiến lược và kế hoạch đã đặt ra: hoàn thiện máy móc thiết bị sản xuất tấm xi măng sợi PVA, nghiên cứu khảo sát thị trường và các phương án kinh doanh tấm xi măng sợi PVA, xây dựng dòng sản phẩm PVA và gỗ furniture của Navifco có thể cung ứng cho thị trường nội địa lẫn xuất khẩu, nhằm chủ động trong việc sản xuất và kinh doanh.

Chỉ khi đó chúng ta mới có thể gây dựng nên một công ty thịnh vượng và bền vững, cũng như qua đó có thể xây dựng niềm tin của Cổ đông đối với công ty.

Thông qua Đại hội cổ đông 2013 lần này, chúng tôi mong mỏi nhận được sự đồng cảm, chia sẻ cũng như nhận thêm nhiều trao đổi góp ý của quý vị cổ đông để cùng nhau CHUNG SỨC VƯỢT QUA THỬ THÁCH, xây dựng một thương hiệu Navifco vững mạnh và phát triển.

Xin chân thành cảm ơn đến quý vị Cổ đông về sự tin yêu và luôn đồng hành với công ty trong những năm qua.

*Trân trọng,*  
**Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị**



## I. Thông Tin Chung



### 1. Thông tin khai quát

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT NAM VIET JOINT STOCK COMPANY
Giấy CNĐKDN số	0302205973, đăng ký lần đầu ngày 01/02/2001 của Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 12/08/2011
Vốn điều lệ	80.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.000.000.000 đồng
Địa chỉ	18 F Tầng Nhơn Phú, Phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh
Số điện thoại	(84)837313443 - (84) 837313642 - (84) 837313991
Số fax	(84)837313641
Website	<a href="http://www.navifico.vn">www.navifico.vn</a>
Email	<a href="mailto:naviinfo@navifico-corp.com">naviinfo@navifico-corp.com</a>
Mã cổ phiếu	NAV

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

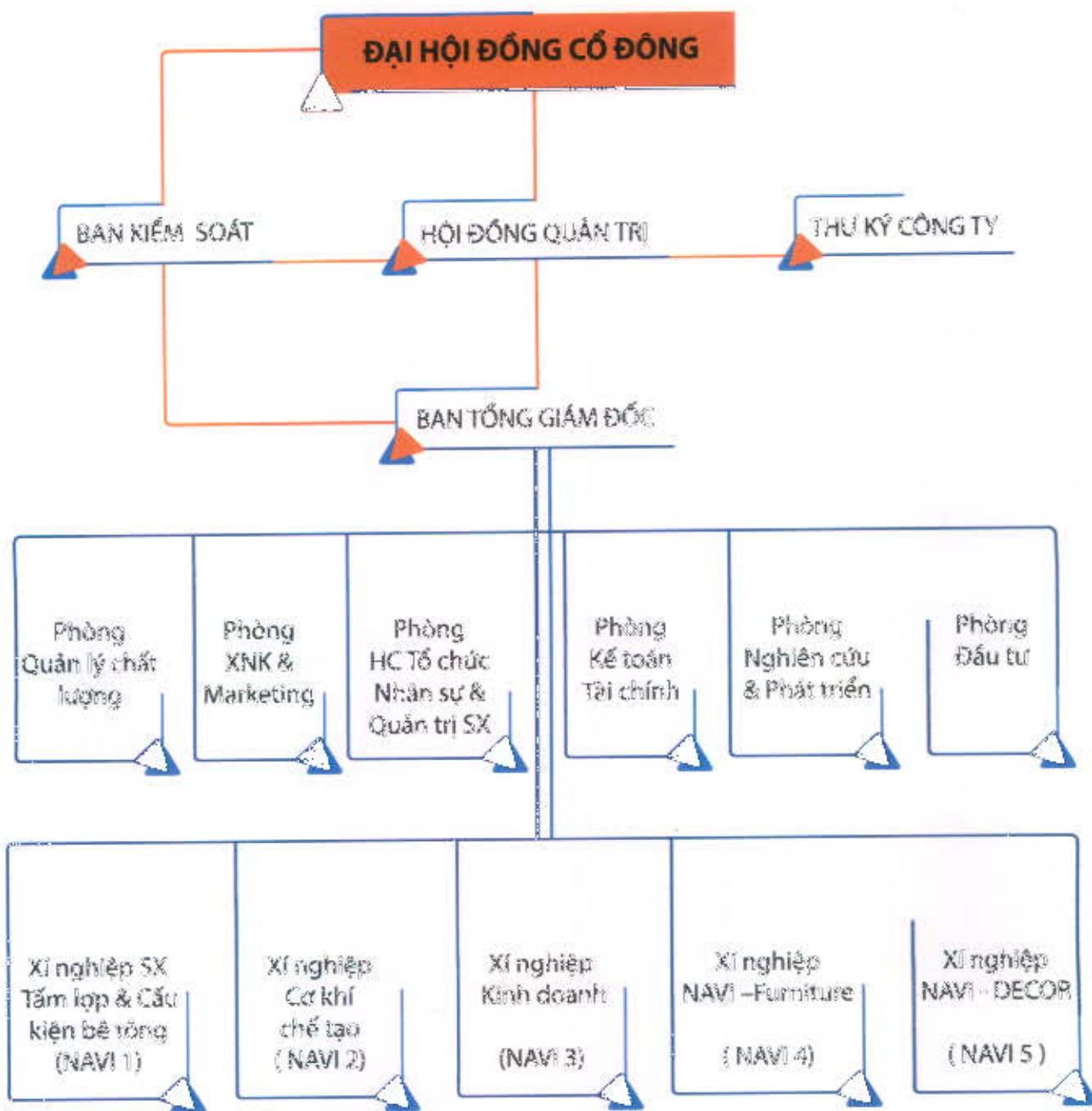
- Công ty cổ phần Nam Việt (NAVIFICO) tiền thân là Công ty Nam Việt thành lập năm 1963, là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam sản xuất tấm lợp xi măng.
- Năm 1975, NAVIFICO chuyển thành doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc UBND Thành phố Hồ Chí Minh
- Năm 2001, trở thành Công ty cổ phần Nam Việt
- Ngày 22 tháng 12 năm 2006 cổ phiếu công ty được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- **Ngành nghề kinh doanh:** sản xuất vật liệu xây dựng và sản xuất chế biến gỗ
- **Địa bàn kinh doanh:** Việt Nam, Châu Âu, Úc, Hoa Kỳ.

### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

## Sơ Đồ Cơ Cấu Tổ Chức và Quản Lý



### CÔNG TY LIÊN KẾT: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN SAIGON (SDC)

**Trụ sở chính:** 143/7D Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh.

**Tỉnh vực sản xuất kinh doanh:** Sản xuất xi măng dân dụng và xi măng đặc chủng, sản xuất chế biến gỗ

**Vốn điều lệ:** 30.000.000.000 đồng

**Tỷ lệ cổ phần công ty sở hữu:** 38,33 % tại SDC

### **Các đơn vị trực thuộc:**

- Xí nghiệp sản xuất Tấm lợp và Cấu kiện bê tông (NAVI 1)
- Xí nghiệp Cơ khí chế tạo (NAVI 2)
- Xí nghiệp Kinh doanh (NAVI 3)
- Xí nghiệp NAVI – FURNITURE (NAVI 4)
- Xí nghiệp NAVI – DECOR (NAVI 5 )

### **Phòng ban chức năng :**

- Phòng Hành chánh Tổ chức nhân sự & quản trị sản xuất
- Phòng Kế toán Tài chính
- Phòng Nghiên cứu và Phát triển.
- Phòng Đầu tư
- Phòng Quản lý chất lượng
- Phòng Xuất nhập khẩu và marketing

### **5. Định hướng phát triển**

Trước viễn cảnh kinh tế toàn cầu đòi hỏi các nền kinh tế cần được tái cấu, doanh nghiệp cần phải tái cấu trúc về vốn và sắp xếp lại bộ máy tổ chức hoạt động, nâng cao năng lực tìm kiếm các cơ hội đầu tư với chi phí đầu tư hợp lý có giá trị sử dụng cao; có quyết sách để giải quyết các khoản đầu tư kém hiệu quả, nhanh chóng giảm thiểu mất cân đối về tài chính để vượt qua được các thách thức, ổn định sản xuất và sẵn sàng phát triển.

### **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.**

- Phát triển năng lực cốt lõi của công ty (sản phẩm xi măng sợi) tạo nên sự khác biệt về chất lượng, hình thành các nhu cầu ứng dụng sản phẩm trong xây dựng.
  - Xây dựng chiến lược phát triển trong từng giai đoạn; tạo sự nhận diện thương hiệu, tăng thị phần và độ phủ của sản phẩm.
  - Phát triển cân bằng giá trị kinh tế và giá trị xã hội, theo hướng phát triển bền vững.
  - Xây dựng mối quan hệ, chia sẻ, gắn bó, hiệu quả với mọi đối tác trong chuỗi cung ứng và tiêu thụ.
  - Xây dựng văn hóa kinh doanh là cam kết cung cấp giá trị thực của sản phẩm cho khách hàng.

### **Chiến lược phát triển trung và dài hạn.**

- Xây dựng dòng sản phẩm có thể cung ứng cho thị trường nội địa và xuất khẩu để hoàn toàn chủ động trong việc sản xuất và phát triển công ty trong tương lai.



### **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.**

- Giảm thiểu khói, khí, chất thải phát tán ra môi trường, tiết kiệm điện năng.
- Tăng cường tính tuân thủ pháp luật, chú trọng sở hữu trí tuệ và bản quyền phần mềm phục vụ việc sản xuất và kinh doanh.
- Đóng góp các hoạt động xã hội và phát triển cộng đồng dân cư.

### **6. Các rủi ro:**

#### **Trong sản xuất:**

Khi sử dụng nguyên liệu gỗ trong nước không được chuẩn hóa, thiếu tính ổn định về nguồn cung cấp, thiếu thị trường giao dịch nguyên liệu gỗ dẫn đến nguy cơ về giá thu mua và chất lượng gỗ không kiểm soát được, đối diện nguy cơ không đảm bảo giao hàng đúng hạn gây thiệt hại cho doanh nghiệp.

#### **Ngoài sản xuất**

Sự thay đổi chính sách năng lượng, nước, môi trường, tiền lương, tiền tệ tín dụng... sẽ làm tăng giá thành

#### **Thị trường**

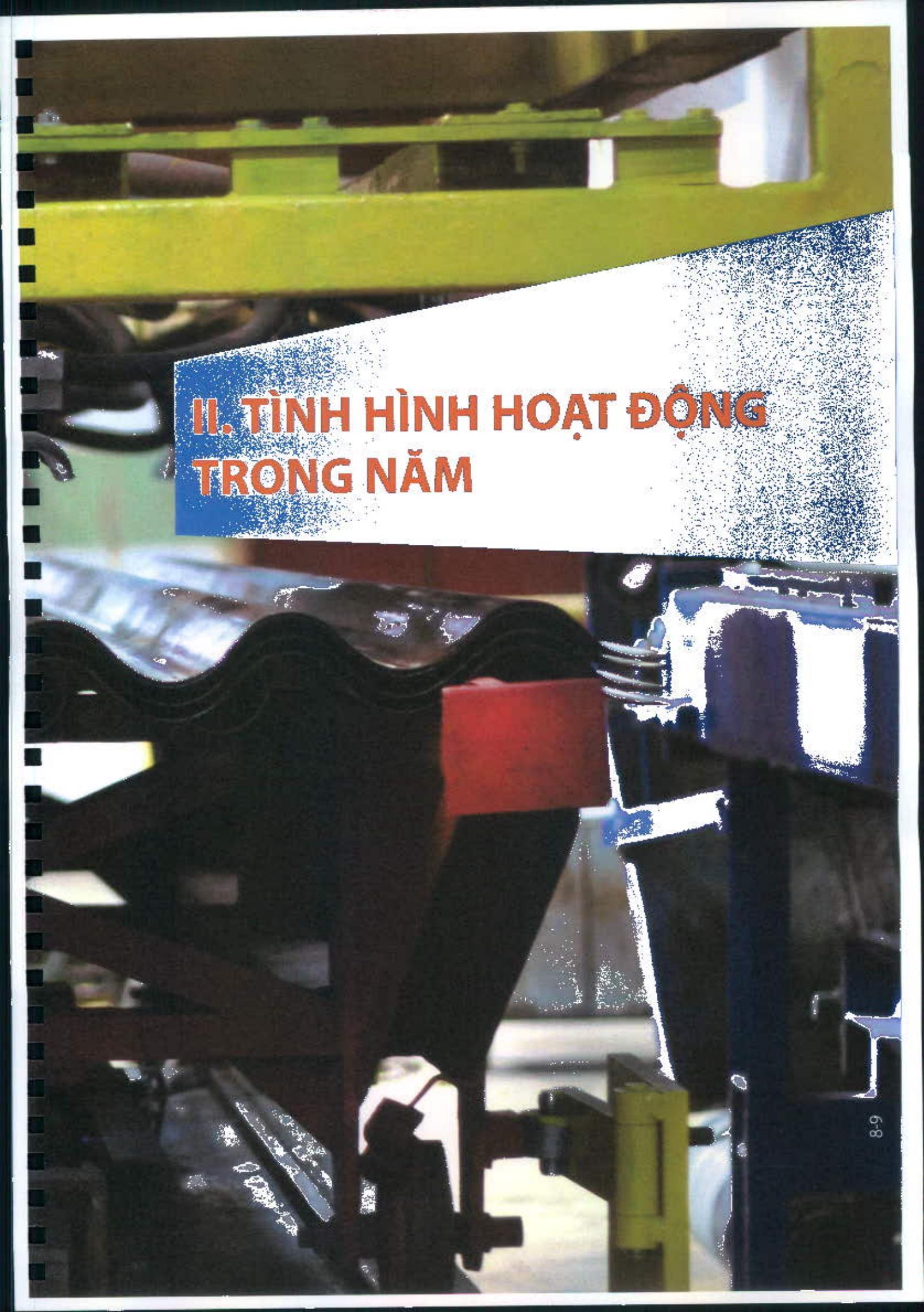
- Thị trường Châu Âu, Châu Mỹ khủng hoảng và chưa có dấu hiệu phục hồi.
- Thị trường Châu Á cũng có khuynh hướng suy giảm.
- Trong nước sức cầu sụt giảm, nợ đọng và tồn kho cao.

### **GIẢI PHÁP TỔNG THỂ**

- Xác định hiệu quả và kiểm soát rủi ro là ưu tiên hàng đầu trước khi có các quyết định kinh doanh (tồn kho nguyên vật liệu, vật tư, thành phẩm và các biện pháp cân bằng tài chính).
- Suy giảm kinh tế là cơ hội và là thách thức cho việc trụ vững và phát triển của công ty, chuẩn bị sẵn sàng chờ cơ hội, nhanh chóng tái cấu trúc về tài chính, tập trung củng cố và phát triển những lĩnh vực hoạt động còn hiệu quả. Tổ chức tiêu thụ qua phương thức giảm giá có điều kiện để giữ vững thị trường gia tăng thị phần.
  - Chấn chỉnh công tác kế toán tài chính, tăng cường khâu quản lý giám sát thực hiện.
  - Duy trì tính kỷ luật trong tổ chức thực hiện.
  - Xây dựng văn hóa công ty "tôn trọng, chia sẻ, chung sức vượt qua thử thách và cùng phát triển".







## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

## 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

### Tình hình chung trong năm 2012:

Tổng cầu trong năm 2012 trên toàn thế giới cũng như tại Việt Nam đều giảm, mọi dự báo phát triển của các quốc gia và các định chế tài chính vẫn chưa thấy dấu hiệu phục hồi ổn định, hệ thống tài chính ngân hàng chưa nhiều bất ổn, nợ xấu tăng cao, hàng tồn kho lớn.

*Trong nước, năm 2012 mọi kế hoạch sản xuất kinh doanh thường xuyên bị động bởi:*

- Giá xăng thay đổi 12 lần, giá xăng biến động mạnh với 6 lần tăng và 6 lần giảm. Tổng mức tăng giá là 6.050 đồng/lít trong khi giảm 3.700 đồng/lít. Tổng cộng giá xăng năm 2012 đã tăng 2.350 đồng/lít so với cuối năm 2011.
- Giá điện năm 2012 tăng 2 lần, mỗi lần 5%. Lần đầu là vào ngày 1/7/12 và lần thứ hai là ngày 22/12/12. Giá điện bình quân cả năm tăng 10,2%, từ 1.304 đồng/kWh lên 1.437 đồng/kWh.
- Giá nước sạch tăng 50% từ 11/7.
- Hàng hóa ế ẩm sức tiêu thụ hàng hóa giảm sút do kinh tế gặp khó khăn. Hàng tồn kho của các doanh nghiệp ở mức cao, trong đó bao động là nhém mặt hàng vật liệu xây dựng.
- Sức tiêu thụ hàng tiêu dùng quá thấp do nông sản bị tắc đầu ra, nhiều doanh nghiệp tiêu dùng phải sản xuất cầm chừng, bằng nửa công suất hoặc đóng cửa.



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Điển giải	Thực Hiện 2011	Kế Hoạch 2012	Thực Hiện 2012	% TH 2012	% TH 2012
				so 2011	so KH
Tổng hợp Kế hoạch và thực hiện					
Doanh thu thuần	117,492,483,740	154,728,000,000	111,243,165,230	94.58%	71.90%
Lợi nhuận	16,290,192,016	14,654,969,844	10,499,222,078	64.45%	71.64%
Sản xuất chế biến gỗ					
Doanh thu thuần	64,377,757,594	87,250,000,000	60,400,451,316	93.82%	69.23%
Lợi nhuận	3,062,245,934	5,708,750,000	(305,629,455)		
Hoạt động kinh doanh khác					
Doanh số	1,019,500,010		76,922,876	7.55%	
Lợi nhuận	148,028,357		17,175,735	11.60%	
Trích lập dự phòng	(893,940,173)		(6,394,734,979)	715.34%	
Hoạt động tài chính					
Doanh thu HĐTC	1,546,567,770	2,500,000,000	3,692,935,934	238.78%	147.72%
Chi phí HĐTC	4,154,913,067	5,963,719,844	3,971,458,152	95.58%	66.59%
Thu nhập khác	1,052,738,039		1,464,816,608	139.14%	
Chi phí khác	1,096,346,911		89,946,832	8.20%	

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Điển giải	Thực Hiện 2011	Kế Hoạch 2012	Thực Hiện 2012	% TH 2012	% TH 2012
				so 2011	so KH
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	182,889,741,344	241,978,000,000	171,720,539,452	93.89%	70.97%
Tổng lợi nhuận trước thuế	15,954,571,965	16,900,000,000	4,912,320,937	30.79%	29.07%

## 2. Tổ chức và nhân sự

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG **TÔN THẤT MẠNH**  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG **VŨ HẢI BẰNG**  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG **NGUYỄN VĂN NAM**  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG **BÙI HẢI QUÂN**  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG **LÊ VĂN BÂY**  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG **NGUYỄN VŨ THỊNH**  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG **LÊ HỮU THUẤN**  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### BAN KIỂM SOÁT

ÔNG **NGUYỄN ĐÌNH MINH**  
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

ÔNG **VŨ THÁI HÒA**  
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

ÔNG **NGUYỄN NGỌC DŨNG**  
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ÔNG **LÊ HỮU THUẤN**  
TỔNG GIÁM ĐỐC

ÔNG **NGUYỄN TRUNG HIẾU**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

ÔNG **PHẠM HUỆ HÙNG**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



DANH SÁCH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ VĂN HÓA	SỐ CỔ PHẦN NĂM GIỮ (NAV)		TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN	THAM GIA	CÁC CHỨC DANH KHÁC
HỒNG QUÂN							
ÔNG TÙY THẾ KHOA	CT HDQT	12/12	84,640	1.06%	CỬ NHÂN QTKD	KHÔNG ĐIỀU HÀNH	P.C THĐQT CTCPP SAIGON
ÔNG VŨ HẢI BẰNG	TV HDQT	12/12	729,346	9.12%	CỬ NHÂN LUẬT	KHÔNG ĐIỀU HÀNH	CT HDQT - Cty WOODLAND VĨNH PHÚC
ÔNG NGUYỄN MÃN HẠM	TV HDQT	12/12	140,000	1.75%	TRUNG CẤP KẾ TOÁN	KHÔNG ĐIỀU HÀNH	TV HDQT CTCPP SAIGON
Ông BÙN HÀ QUÂN	TV HDQT	12/12	311,720	3.90%	CỬ NHÂN QTKD	ĐỘC LẬP	P.C THĐQT NGÂN HÀNG VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG (VP BANK), CT HDQT CTCK VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG, CT HDQT CTCP Đầu Tư VIỆT HẢI
Ông Lê Văn Bảy	TV HDQT	12/12	3,328	0.04%	CỬ NHÂN QTKD	ĐIỀU HÀNH	
Ông Nguyễn Văn Vũ Tú Linh	TV HDQT	12/12	41,984	0.52%	CỬ NHÂN TÀI CHÍNH	KHÔNG ĐIỀU HÀNH	CTHDQT - TGĐ CTCPP SAIGON
Ông Lê Hữu Thiều	TV HDQT	12/12	28,000	0.35%	CỬ NHÂN TCKT	ĐIỀU HÀNH	TV HDQT CTCPP SAIGON
BẠM KỸ SÁC SƠN							
Ông Nguyễn Minh Nhựt	Trưởng BKS	12/12	-	0.00%	ĐẠI HỌC KINH TẾ	KHÔNG ĐIỀU HÀNH	Trưởng BKS CTCPP SAIGON
Ông Vũ Thành Hòa	TV BKS	12/12	62,180	0.78%	KỸ SƯ CƠ KHÍ	ĐỘC LẬP	TV HDQT CTCP VĨNH HÀ , TV HDQT CTCPP SAIGON
Ông Nguyễn Văn Quốc	TV BKS	12/12	93,856	1.17%	TIẾN SĨ KHOA QTCN	ĐỘC LẬP	
Ông Huỳnh Hữu Thanh	TV HDQT	12/12	28,000	0.35%	CỬ NHÂN TCKT	TỔNG GIÁM ĐỐC	TV HDQT CTCPP SAIGON
Ông Nguyễn Văn Trường Hiếu		12/12	5,000	0.06%	KỸ SƯ CHẾ BIẾN GỖ	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	
Ông Phạm Huệ Hùng	Người Công bố thông tin	12/12	-	0.00%	KỸ SƯ CƠ KHÍ, CỬ NHÂN KINH TẾ	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	
MỸ THUẬT VIỆT NAM							
Ông Tú Tài		12/12	25,600	0.32%	CỬ NHÂN KINH TẾ		
MINH QUÝ CONG TY							
Ông Tống Thanh Khoa Nam		12/12	5,900	0.07%	CỬ NHÂN KHOA HỌC		

• Bổ nhiệm Ông Phạm Huệ Hùng chức danh Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/09/2012.

- Công ty thực hiện đầy đủ chính sách đối với người lao động về Bảo hiểm lao động, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, chế độ nghỉ lễ, tết và phép năm theo qui định.
- Tổng số lao động của công ty: 496 người
- Tham gia sản xuất: 409 người
  - + Trực tiếp sản xuất 353 người
  - + Quản lý sản xuất 56 người
- Quản lý chung: 57 người
- Khối phục vụ chung: 30 người
- Phân loại theo trình độ chuyên môn
  - + Sau đại học 3 người
  - + Đại học 54 người
  - + Cao đẳng 30 người
  - + Trung cấp 37 người
  - + Công nhân kỹ thuật 80 người
  - + Công nhân lành nghề 121 người

### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

#### **Các khoản đầu tư:**

- Đầu tư tài chính tại Công ty SDC từ năm 2007 với số tiền là: 11.498.100.000 đồng chiếm 38,33% vốn điều lệ của SDC. Hoạt động hiệu quả của SDC hàng năm đã chia cổ tức đều đặn là 12%/năm.
- Khoản vốn tham gia vào khu Biệt thự Hiệp Bình Phước 24.793.538.892 đồng đang tập trung giải quyết thu hồi vốn.



#### 4. Tình hình tài chính

##### Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	2011	2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	169,552,487,047	183,119,047,667	103.00%
Doanh thu thuần	182,889,741,344	171,720,539,452	93.89%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	15,998,180,837	3,537,451,161	22.11%
Lợi nhuận khác	(43,606,872)	1,374,869,776	
Lợi nhuận sau thuế	15,954,571,965	4,912,320,937	30.79%
Lợi nhuận sau thuế	11,965,928,974	4,476,932,421	37.41%
Tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	12.00%	9.00%	75.00%

##### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

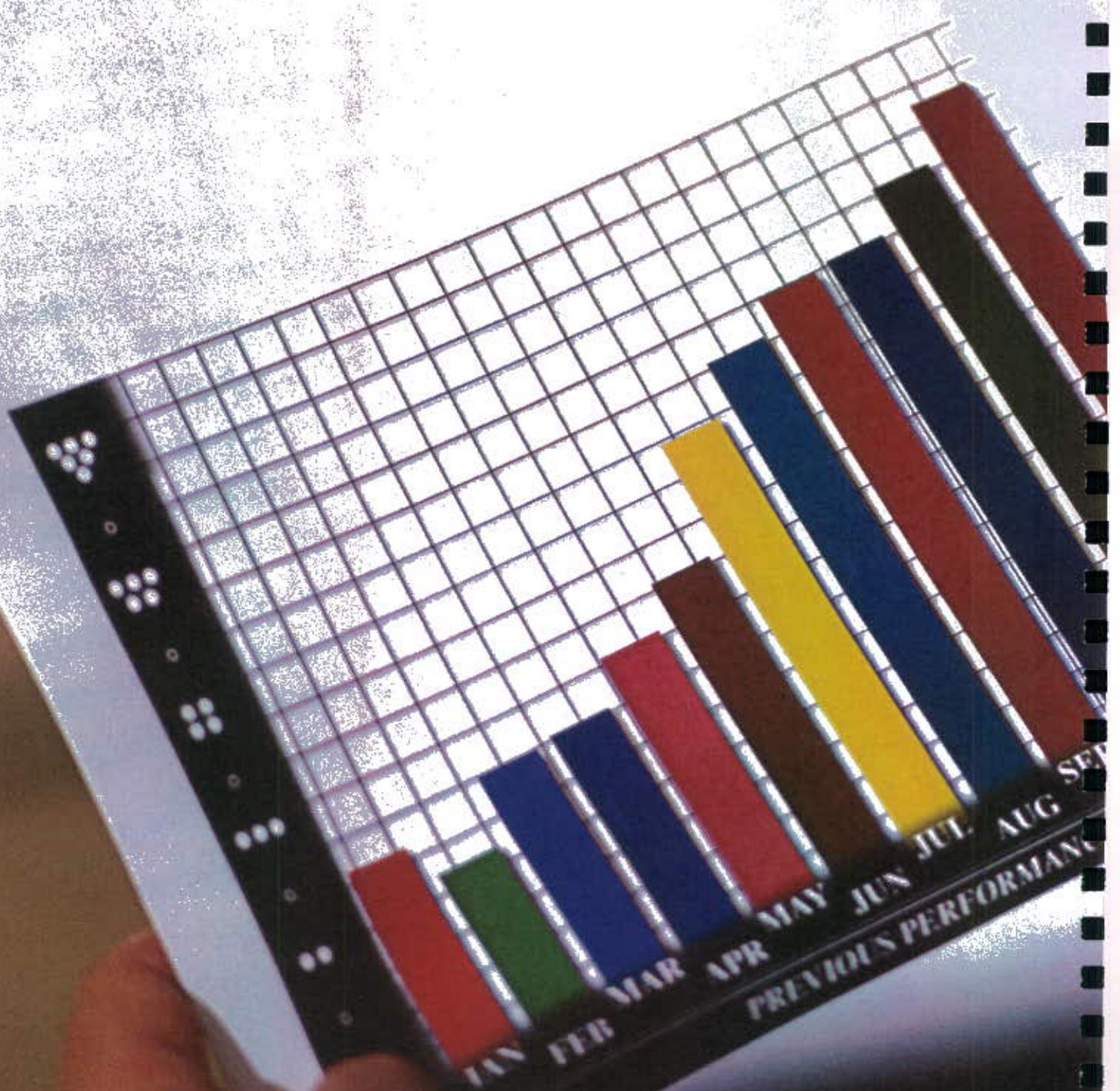
Các chỉ tiêu	2011	2012
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
• <b>Hệ số thanh toán ngắn hạn:</b>		
Tài sản lưu động/Tổng ngắn hạn	1.75	1.54
• <b>Hệ số thanh toán nhanh:</b>		
Tài sản lưu động - Hàng tồn kho	0.77	0.61
Nợ ngắn hạn		
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
• <b>Hệ số Nợ/Tổng tài sản</b>	0.43	0.49
• <b>Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu</b>	0.75	0.96
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
• <b>Mức quý hàng tồn kho:</b>		
Giá vốn hàng hóa	2.53	1.91
Hàng tồn kho bình quân		
• <b>Doanh thu thuần/Tổng tài sản</b>	1.08	0.94
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
• <b>Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</b>	6.54%	2.61%
• <b>Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu</b>	12.33%	4.79%
• <b>Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản</b>	7.06%	2.44%
• <b>Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Đóng kinh doanh/Doanh thu thuần</b>	8.75%	2.06%

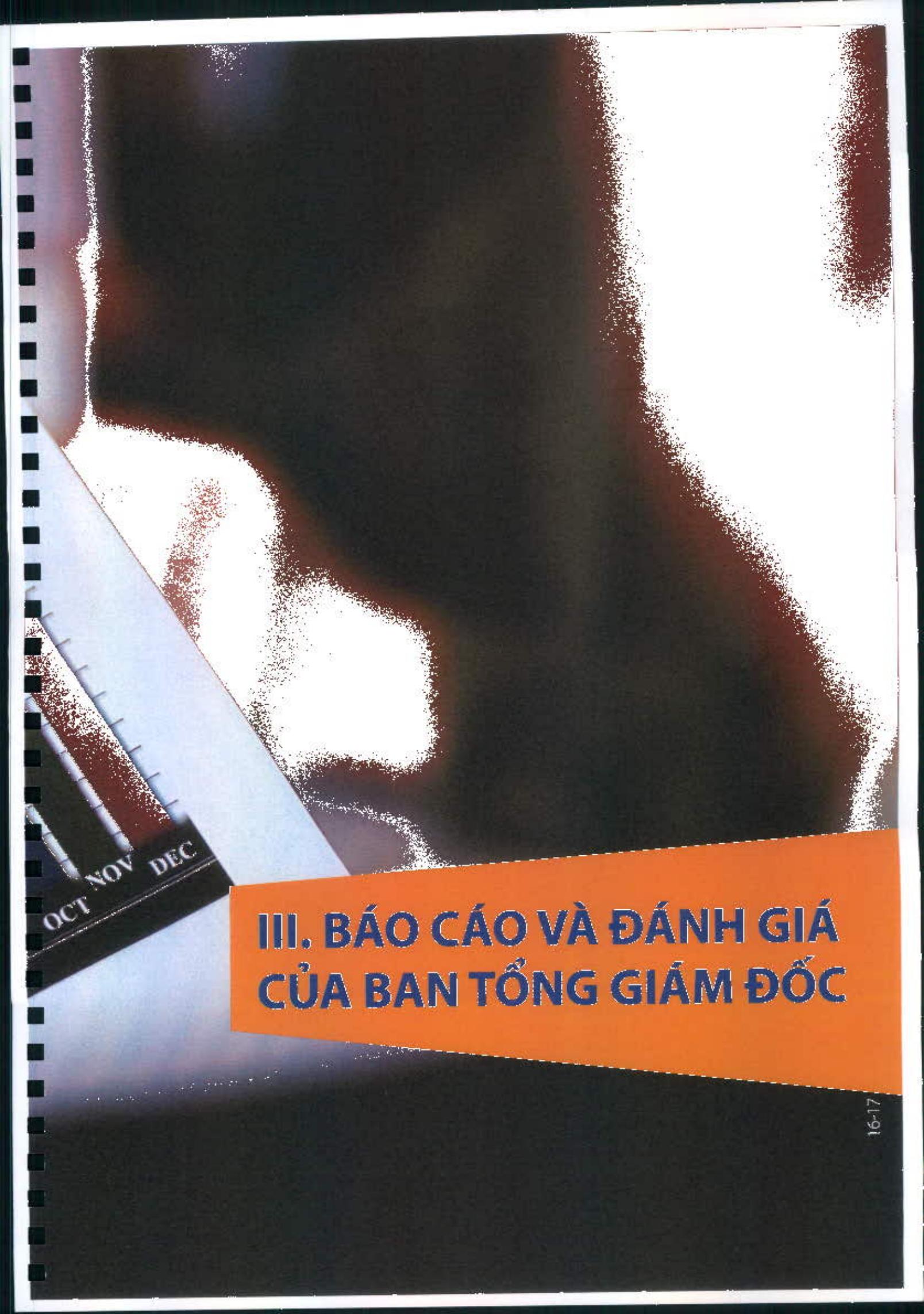
#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tổng số cổ phần phổ thông : 8.000.000 cổ phần

##### Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông tổ chức	26.14%	cổ đông cá nhân	73.86%
Cổ đông trong nước	94.81%	cổ đông nước ngoài	5.19%
Cổ đông nhà nước	20.00%	các cổ đông khác	80.00%





### **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

## 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2012 xem xét các chỉ tiêu tài chính đều không đạt, không hoàn thành được các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông 2012 giao phó.

Chỉ Tiêu	Thực Hiện 2011	Kế Hoạch 2012	Thực Hiện 2012	% TH 2012	% TH 2012
				so 2011	so KH
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	182.889.741.344	241.978.000.000	171.720.539.452	93,89%	70,97%
Tổng lợi nhuận trước thuế	15.954.571.965	16.900.000.000	4.912.320.937	30,79%	29,07%

- Về sản xuất tấm lợp, sức cầu trong nước giảm; ảnh hưởng đối với công ty là sản lượng tiêu thụ tấm lợp giảm 15,5% so năm 2011, lượng tồn kho cao vượt quá khả năng chứa của kho bãi, khiến công ty phải sập xuất cầm chừng.
- Về sản xuất chế biến gỗ, chủ yếu sử dụng nguyên liệu trong nước. Do nguồn nguyên liệu này thiếu qui hoạch khai thác, trồng rừng dẫn đến chất lượng gỗ không ổn định, ảnh hưởng đến nguồn cung nguyên liệu và giá cả thường xuyên biến động.

Điển biến sản xuất chế biến gỗ năm 2012:

- Doanh thu xuất khẩu chiếm 61,81% tăng 22,48% so với năm 2011
- Doanh thu nội địa chiếm 38,19% giảm 22,48% so với năm 2011

Chỉ Tiêu	Thực Hiện 2011	Kế Hoạch 2012	Thực Hiện 2012
Doanh Thu	64.377.757.594	87.250.000.000	60.400.451.346
Xuất Khẩu	24.890.209.654	43.625.000.000	37.331.191.965
Nội Địa	39.487.547.940	43.625.000.000	23.069.259.381

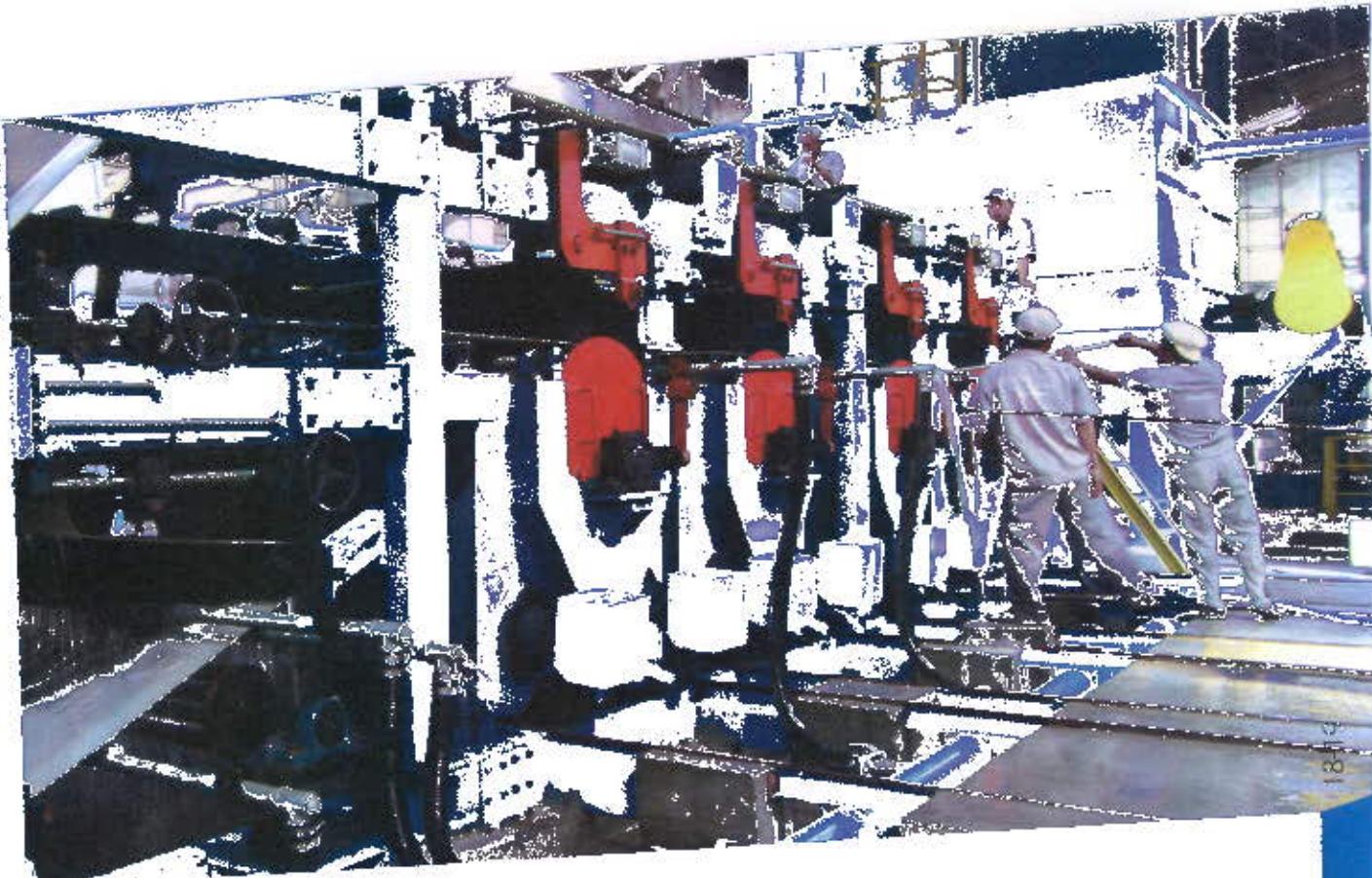


### **Phân tích tổng quan**

- Sự thay đổi của các chính sách về năng lượng, nước, môi trường, tiền lương ... tác động tăng giá thành sản xuất trong khi các hợp đồng và đơn hàng nhỏ lẻ có trị giá thấp, hiệu quả kinh tế không cao.
- Không ký kết được các đơn hàng có số lượng lớn nên không thể chủ động trong việc tổ chức và hợp lý hóa quy trình sản xuất dẫn đến riềng xuất thấp, chi phí cao.
- Mục tiêu giảm thiểu mất cân bằng tài chính khiến doanh nghiệp không dám chủ động dự trữ nguyên vật liệu, hạn chế rủi ro về thị trường nhất là đối với thị trường xuất khẩu.
- Cạnh tranh quyết liệt giữa các doanh nghiệp cùng ngành hàng, bằng nhiều phương thức cạnh tranh không lành mạnh, khiến chi phí bán hàng tăng cao.
- Ánh hưởng của khủng hoảng từ 2008 đến nay buộc Công ty tiến hành trích phòng ngừa rủi ro (giảm giá hàng tồn kho, nợ chậm luân chuyển .....). ánh hưởng đến hiệu quả hoạt động công ty năm 2012.

### **Những tiến bộ công ty đã đạt được:**

- Trong tình hình khó khăn chung, công ty đã tiến hành cải tạo dàn máy xeo và chế tạo các thiết bị, chuẩn bị phục vụ sản xuất tấm xi măng sợi PVA.
- Duy trì lực lượng lao động hiện có trong bối cảnh kinh tế khó khăn, bằng cách chấp nhận sản xuất những đơn hàng nhỏ, hiệu quả không đáng kể.
- Xây dựng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn FSC-CoC cho sản xuất chế biến gỗ và Hộp qui, hợp chuẩn cho sản xuất tấm lợp.



## 2.Tình hình tài chính

Số	Chi Tiêu	2011	2012	C/lệch 2012 -2011
I	Tổng lợi nhuận trước thuế	15,954,571,965	4,912,320,937	(11,042,251,028)
	Trong đó:			
1	Tổng lợi nhuận hoạt động kinh doanh	15,998,180,837	3,537,451,161	(12,460,729,676)
	Bao gồm:			
1.1	Hoạt động sản xuất kinh doanh tấm lợp	16,290,192,016	10,499,222,078	(5,790,969,938)
1.2	Hoạt động sản xuất chế biến gỗ	3,062,245,934	(305,689,455)	(3,367,935,389)
1.3	Khác	148,028,357	17,175,735	(130,852,622)
1.4	Trích dự phòng	(893,940,173)	(6,394,734,979)	(5,500,794,806)
1.5	Doanh thu hoạt động tài chính	1,546,567,770	3,692,935,934	2,146,368,164
1.6	Chi phí hoạt động tài chính	(4,154,913,067)	(3,971,458,152)	183,454,915
II	Thu nhập khác	(43,608,872)	1,374,869,776	1,418,478,648

- Hệ số khai thác tài sản 2012 thấp hơn 13,06% so 2011 do không đạt doanh số, hàng hóa tồn kho.
- Hệ số nợ trên Vốn chủ sở hữu năm 2012 tăng 28,31% so 2011 chủ yếu vay dự trữ nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho lớn.

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công ty đã thực hiện Chứng nhận hệ thống quản lý chuỗi hành trình sản phẩm FSC-CoC đối với hoạt động sản xuất chế biến gỗ (sử dụng gỗ nguyên liệu rừng trồng có giấy chứng nhận, xây dựng qui trình sản xuất theo tiêu chuẩn FSC-CoC là điều kiện để xuất khẩu sản phẩm gỗ chế biến vào thị trường Châu Âu).
- Tập trung hoàn chỉnh việc đăng ký hợp qui, công bố hợp chuẩn đối với sản xuất tấm xi măng sợi.

## 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Hoàn thiện máy móc thiết bị sản xuất tấm xi măng sợi PVA
- Nghiên cứu khảo sát thị trường sản phẩm, tiếp xúc khách hàng tiềm năng và các phương án kinh doanh tấm xi măng sợi PVA.
- Xây dựng dòng sản phẩm có thể cung ứng cho thị trường nội địa và xuất khẩu để hoàn toàn chủ động trong việc sản xuất và phát triển công ty trong tương lai.

Certificate SGS-HK-COC-010768

**SGS**

The management system of

## Nam Viet Joint - Stock Company

18 F, Tang Nhon Phu Street, Phuoc Long D Ward, District 9,  
Ho Chi Minh City, Vietnam,



has been assessed and certified as meeting the requirements of

## Chain-of-Custody

The company was assessed against the following standards:  
FSC-STD-40-004 V2-1 Standard for COC Certification – October 2011

for the products detailed in the scope below

Purchase and sales of FSC 100% and Mix sawn timber and fibreboard (trans-  
fer system).

Purchase of FSC 100% and Mix sawn timber and fibreboard, manufacture, and  
sales of FSC 100% and Mix indoor furniture and garden furniture (trans-  
fer system).

This certificate is valid from 2 January 2013 until 1 January 2018

Issue 1. Certified since: January 2013

SGS Ref# VN13/010768

Authorised by



Accredited  
[www.sgs.com](http://www.sgs.com)

The mark of responsible forestry

FSC®COC-C003

The validity of this certificate shall be verified on <http://fscid.sgs.com>.

For the full list of products grouped covered by this certificate see <http://fscid.sgs.com>.

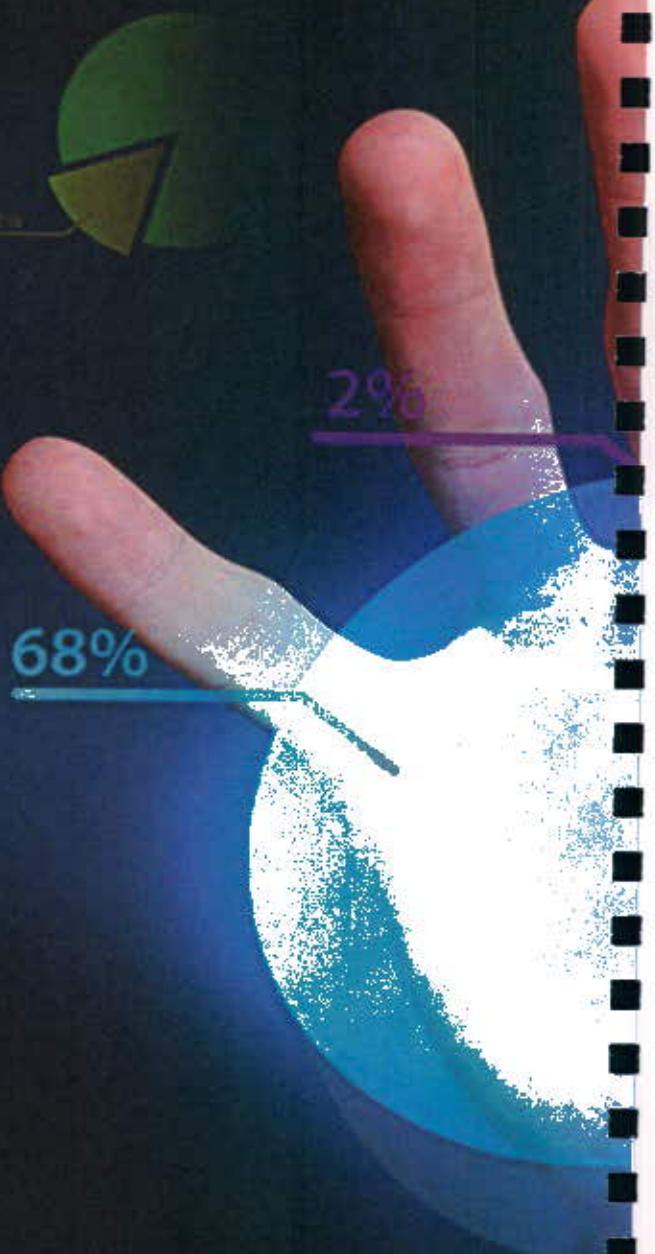
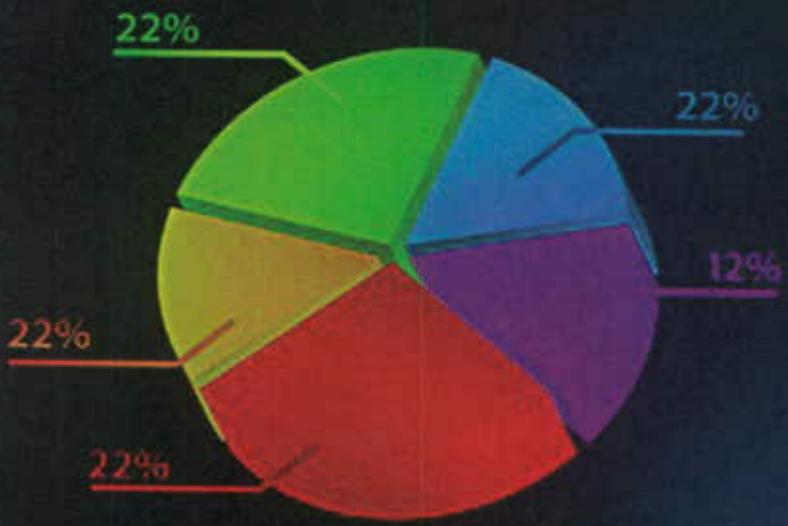
This certificate itself does not constitute evidence that a particular product supplied by the certificate holder is FSC®-certified. Products offered, shipped or sold by the certificate holder can only be considered covered by the scope of this certificate when the required FSC claim is clearly stated on invoices and shipping documents.

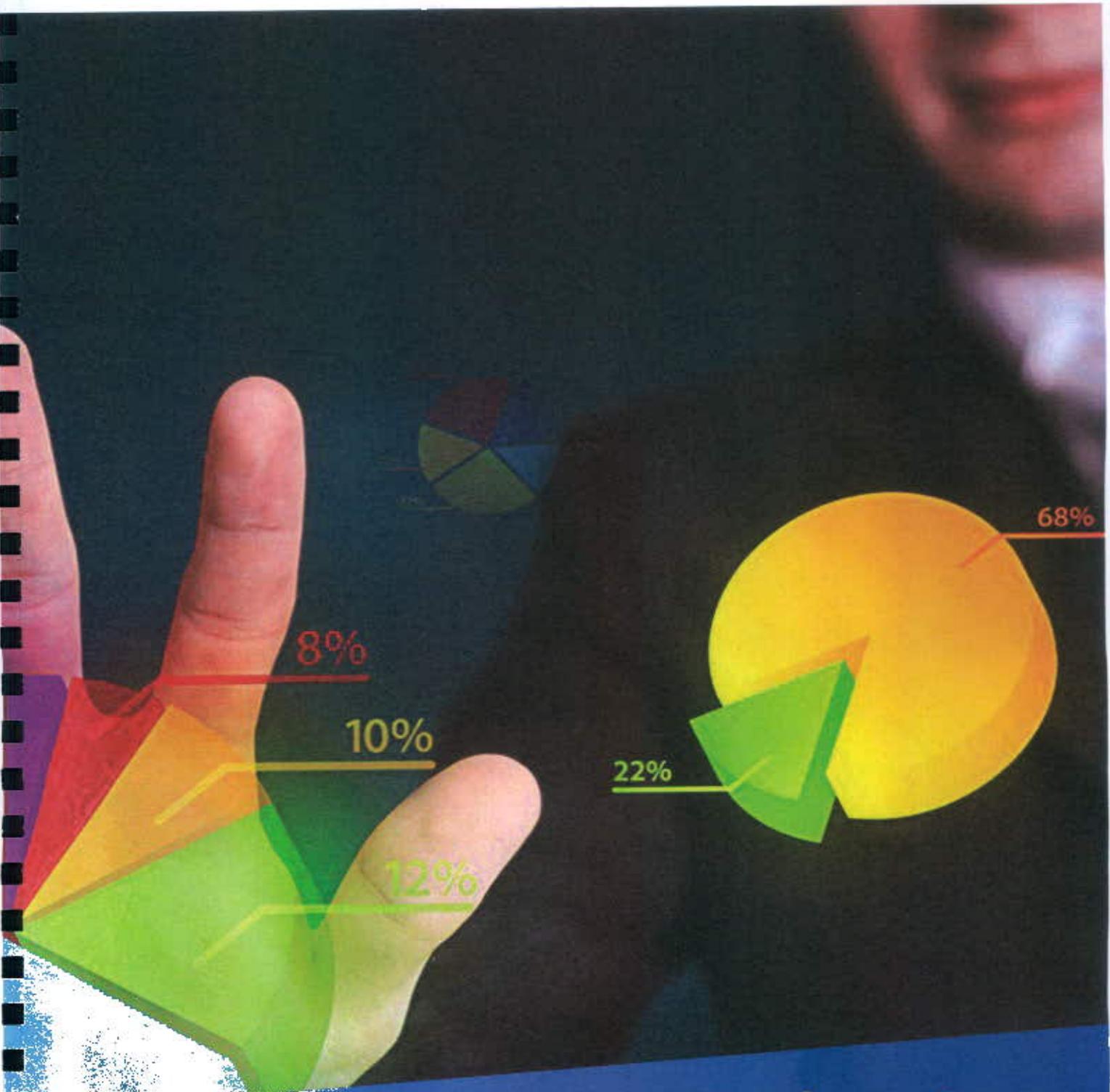
This certificate remains the property of SGS and shall be returned upon request.

Page 1 of 1



This document is issued by the Company subject to its General Conditions of  
Certification. Please consult [www.sgs.com](http://www.sgs.com) for more information. The conditions are  
available on [www.sgs.com](http://www.sgs.com). Attention is drawn to the limitation of liability, non-warranty and jurisdictional  
clauses set forth therein. The authenticity of this document may be verified at  
<http://fscid.sgs.com>. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of this  
document, or any other aspect of this document's issuance and/or content may be  
construed as annulling all effect of the document.





#### IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

*Nguyên nhân không hoàn thành các chỉ tiêu của ĐHĐCD 2012:*

- Việc nhận định về tình hình kinh tế chung và chuyên ngành đã không lượng định được các rủi ro, nhất là rủi ro về thị trường, dẫn đến dự báo kế hoạch lớn hơn so với kết quả thực hiện.
- Các rủi ro bên ngoài doanh nghiệp như giá nguyên vật cung cấp thường xuyên biến động so với tập quán kinh doanh quốc tế là yếu cầu tính ổn định về chuỗi cung ứng sản phẩm cả về giá và lượng theo chu kỳ hàng năm.
- Thiếu các công cụ cảnh báo và chậm đưa ra các biện pháp kịp thời.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty**

*Đối với công tác quản lý công ty:*

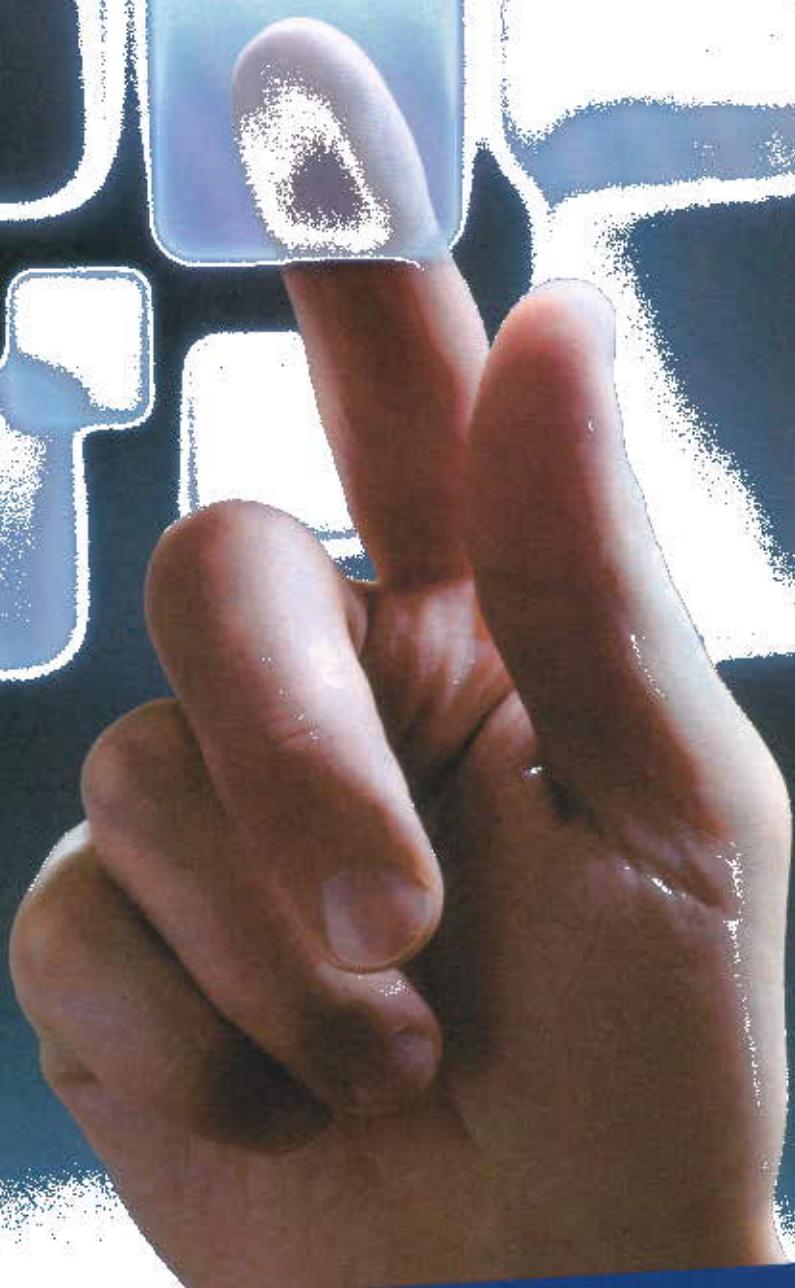
- Cần xem xét lại việc phân công, xây dựng cải tổ bộ máy quản lý phù hợp để nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Bổ sung và phát triển các công cụ kiểm soát rủi ro, giám sát và kiểm soát (những cảnh báo về tài chính, tín dụng, tồn kho vật tư hàng hóa, công nợ).
- Tăng cường công tác quản trị vốn và chi phí.
- Tổ chức lại hoạt động sản xuất theo hướng chuyên môn hóa.
- Triển khai các hoạt động thuê ngoài (các công việc chuyên môn chuyên ngành và chuỗi liên kết tận thu sản phẩm).

*Đối với công tác tổ chức*

- Sớm xây dựng Quy chế lương, thưởng mới, trình HĐQT phê chuẩn: việc sử dụng đòn bẩy tiền lương, để kịp thời động viên người lao động phát huy hết năng lực và hoàn thành vượt mức yêu cầu cho từng vị trí đảm nhận.
- Duy trì tính kỷ luật trong tổ chức thực hiện (qui trình, qui phạm, nội quy sản xuất, vệ sinh công nghiệp).
- Các phòng, ban, đơn vị sản xuất phải có báo cáo phân tích đánh giá mức độ thực hiện các chỉ tiêu và công việc được phân công hàng quý nêu rõ những nguyên nhân chưa hoàn thành.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

- Tổ chức bộ máy của công ty theo hướng tinh gọn, đảm bảo việc thông tin thông suốt, chuẩn hóa hệ thống báo cáo để thống nhất số liệu trong toàn công ty phục vụ kịp thời cho công tác quản lý.
- Chấn chỉnh công tác tài chính kế toán.
- Bổ sung các công cụ kiểm soát, cảnh báo.
- Chi tiết hóa kế hoạch tài chính quý, năm cho các đơn vị và giám sát kết quả thực hiện.
- Xây dựng dòng sản phẩm có thể cung ứng được cho thị trường nội địa và xuất khẩu để công ty có thể hoàn toàn chủ động sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng chiến lược tiêu thụ sản phẩm, thị trường trong từng giai đoạn phù hợp với khả năng tài chính công ty.







## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

## **1. Hội Đồng Quản Trị**

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông 2012, Hội đồng quản trị đã có 05 phiên họp yêu cầu Ban Điều Hành thực hiện :
  - + Họp định kỳ đánh giá tình hình tài chính quý , kế hoạch quý tiếp theo.
  - + Quản lý bằng quy chế và các quy định cụ thể có thủ tục báo cáo rõ ràng.
  - + Họp giao ban hàng tuần xử lý ngay các vướng mắc phát sinh.
  - + Rà soát năng lực tài chính và sản lượng tiêu thụ của các đại lý phân phối, các điểm bán: sản phẩm của công ty, tổ chức đối chiếu công nợ thường xuyên.
  - Thống kê thành viên sở hữu lớn hơn hay bằng 3% số cổ phần phổ thông để xây dựng mối quan hệ, tạo điều kiện thuận lợi trong việc hoạt động của công ty.
  - Mở rộng tầm hoạt động – đầu tư tài chính (chuyển nhượng dự án, kết hợp huy động vốn ) đối với khu đất 18F Tầng Nhơn Phú , Phường Phước Long B.
  - Tăng cường vị thế trong ngành, năm 2012 Công ty đã dự Hội nghị quốc tế IIBCC tại Úc để xác định trình độ công nghệ và định hướng sản xuất trong tương lai.
  - Xây dựng qui trình, qui phạm và nội quy sản xuất, các chính sách giá kinh doanh.



Công ty cổ phần Phát Triển Sài Gòn (SDC) là đối tác chiến lược của Navifco.  
SDC chuyên sản xuất và kinh doanh xi măng và sản phẩm gỗ nội thất

Số thứ tự	Tên Tổ Chức/Cá Nhân	Chức Vụ/Mối Quan Hệ Với Cổ Động Nội Bộ	Sở Hữu (Cổ Phán)	Tỷ Lệ Sở Hữu (%)
1	Tôn Thất Mạnh	Chủ tịch HĐQT	34,640	1.05%
	Nguyễn Thị Diệu Lan	Vợ	40,000	0.50%
	Tôn Nữ Ái Lan	Con	-	0.00%
	Tôn Nữ Quỳnh Hương	Con	-	0.00%
	Tôn Nữ Thị Liên	Em	92,000	1.15%
2	Lê Hữu Thuấn	Thành viên HĐQT - TGĐ	28,000	0.35%
	Đặng Thị Tàu	Mẹ	-	0.00%
	Trần Thị Lệ Xuân	Vợ	-	0.00%
	Lê Ngọc Thơ	Con	-	0.00%
	Lê Hữu Thuyên	Con	-	0.00%
	Lê Hữu Luật Thông	Anh	12,108	0.15%
3	Vũ Hải Sảng	Thành viên HĐQT	729,546	9.12%
	Nguyễn Thị Bích Hằng	Vợ	-	0.00%
	Vũ Triều Dương	Con	-	0.00%
	Vũ Hoàng Linh	Con	-	0.00%
	Vũ Hoàng Thị	Con	-	0.00%
	Vũ Nhật Khải	Bố	-	0.00%
	Bùi Thị Hội	Mẹ	-	0.00%
	Vũ Diệp Liên	Em gái	-	0.00%
4	Nguyễn Vũ Thịnh	Thành viên HĐQT	41,484	0.52%
	Lương Thị Xuân Hương	Vợ	61,200	0.77%
	Nguyễn Văn Hoành	Cha ruột	-	0.00%
	Nguyễn Thảo Phương	Con	-	0.00%
	Nguyễn Đức Thông	Con	-	0.00%
5	Lê Văn Bảy	Thành viên HĐQT	1,600,000	Đại diện vốn Nhà nước
	Lê Văn Bảy		3,328	0.04%
	Võ Thị Ôi	Vợ	-	0.00%
	Lê Thị Tuyết Linh	Con	-	0.00%
	Lê Thị Ngọc Trang	Con	-	0.00%
6	Nguyễn Văn Nam	Thành viên HĐQT	140,000	1.75%
	Nguyễn Thị Phan	Vợ	16,000	0.20%
	Nguyễn Anh Tuấn	Con	-	0.00%
	Nguyễn Anh Kiệt	Con	-	0.00%
	Nguyễn Anh Vũ	Con	100,000	1.25%
	Nguyễn Phan Anh Duy	Còn nhỏ	-	0.00%
7	Bùi Hải Quân	Thành viên HĐQT	311,720	3.90%
	Kim Ngọc Cẩm Ly	Vợ	-	0.00%
	Bùi Cẩm Thị	Con	-	0.00%
	Bùi Hải Ngân	Con	-	0.00%

**• Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.**

Tham gia ý kiến về công tác tổ chức điều hành sản xuất, yêu cầu Ban Tổng giám đốc giải trình về các quyết định sản xuất, quan điểm điều hành, biện pháp ứng phó với hoạt động thu hồi vốn đã tham gia vào dự án.

**• Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.**

V	Họ Tên	Chức danh	Đã tham dự hội thảo QTCT do [IFC & SGDCK]	Chưa có chứng chỉ QTCT
1	Tôn Thất Mạnh	Chủ tịch HĐQT	X	X
2	Lê Hữu Thuần	Thành viên HĐQT - TGD		X
3	Vũ Hải Bằng	Thành viên HĐQT		X
4	Nguyễn Vũ Thịnh	Thành viên HĐQT		X
5	Lê Văn Bay	Thành viên HĐQT		X
6	Nguyễn Văn Nam	Thành viên HĐQT		X
7	Bùi Hải Quân	Thành viên HĐQT		X

## 2. Ban Kiểm soát

**Hoạt động của Ban kiểm soát:**

- Tham gia các cuộc họp thường kỳ hàng quý và đột xuất của Hội đồng quản trị, nắm bắt kịp thời các chỉ đạo điều hành và triển khai trực tiếp Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông 2012.
- Tham gia góp ý về tính pháp lý trong việc triển khai các quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thuộc lĩnh vực tài chính, phòng ngừa rủi ro và các vấn đề được tham khảo ý kiến.

**Ban Kiểm Soát đã xem xét các vấn đề:**

- Nợ quá hạn, trích lập dự phòng nợ khó đòi.
- Kiểm kê tài sản định kỳ và lập các bút toán điều chỉnh sau khi đánh giá lại giá trị thực tế với giá trị sổ sách, trích lập giảm giá hàng tồn kho.
- Cung phân tích khả năng tài chính và kỹ năng ứng phó của Công ty.
- Đề xuất chấn chỉnh và sắp xếp công tác tổ chức bộ máy công ty.
- Xây dựng kế hoạch công tác hỗ trợ kinh doanh và thu hồi nợ tồn đọng.

**Kết quả giám sát tình hình hoạt động tài chính của công ty:**

Ban kiểm soát đồng ý với ý kiến của kiểm toán viên ngày 18/3/2013 về Báo cáo tài chính của Công ty được lập cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012, lập ngày 20/02/2013.

**Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty:**

- Ban kiểm soát chưa phát hiện trường hợp bất thường nào của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty có gây ảnh hưởng cho hoạt động của Ban kiểm soát và Công ty.
- Người quản lý của Công ty đã thể hiện sự nỗ lực quyết tâm trong việc quản lý, điều hành Công ty nhằm duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện kinh tế chậm phục hồi.

## **Đánh giá kết quả phối hợp Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cổ đông.**

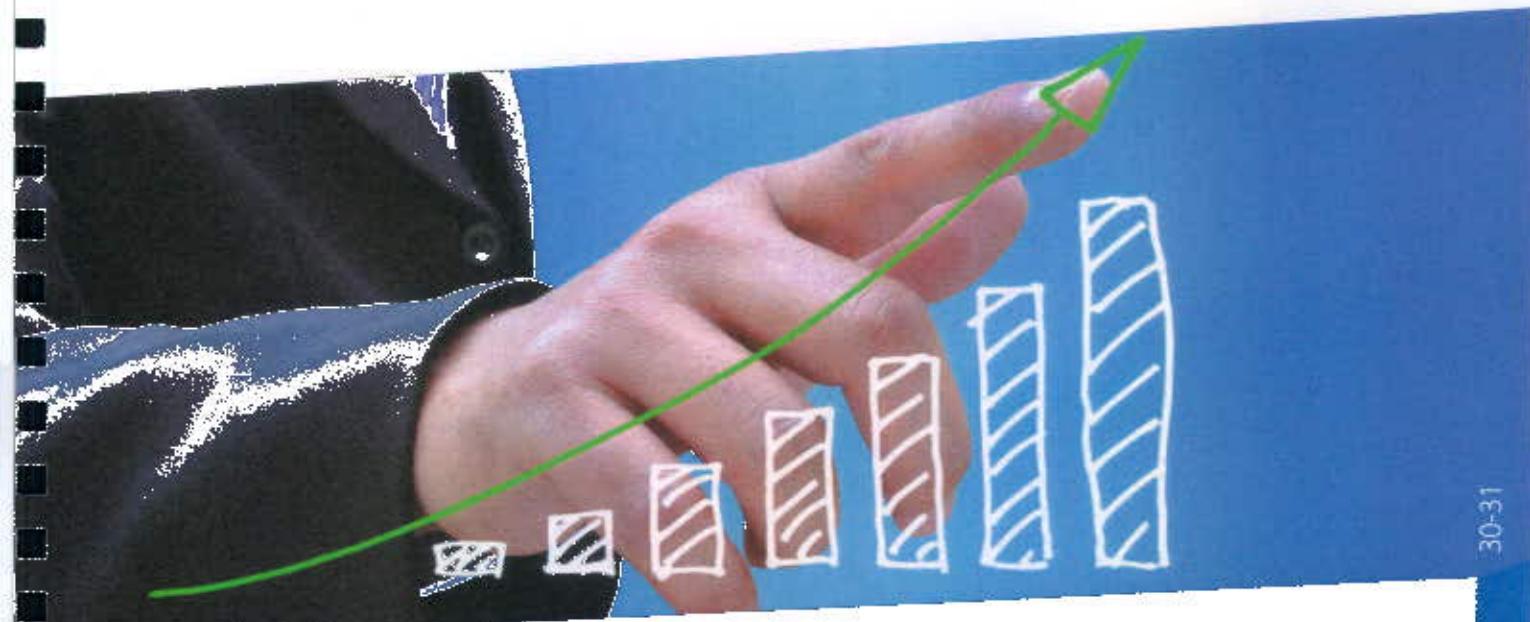
Sự phối hợp của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã về đang phát huy trong việc kiểm soát rủi ro, hỗ trợ Ban điều hành khi cần có quyết định kinh doanh mới và duy trì các hoạt động của Công ty phù hợp với qui định của pháp luật đảm bảo quyền lợi chính đáng của cổ đông.

### **Ban Kiểm soát kiến nghị:**

- Tái cơ cấu tài chính công ty để giảm thiểu mất cân bằng hiệu quả tài chính là mục tiêu chính trong năm 2013.
- Phát huy hết công suất máy móc thiết bị và hiệu quả đầu tư trước khi đến thời gian phải chuyển đổi công năng mặt bằng hiện hữu.
- Chuẩn bị nguồn nhân lực cho việc phát triển Công ty trong ngắn hạn và dài hạn.

### **Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan:**

Số	Tên Tổ Chức/Cá Nhân	Chức Vụ/Mối Quan Hệ Với Cổ Động Nội Bộ	Sở Hữu (Cổ Phán)	Tỷ Lệ Sở Hữu (%)
1	<b>Nguyễn Đình Minh</b>	Trưởng BKS	-	0.00%
	Lê Thị Bé	Mẹ	-	0.00%
	Nguyễn Thanh Nhàn	Vợ	-	0.00%
	Nguyễn Anh Thư	Con	-	0.00%
	Nguyễn Đình Minh Khang	Con	-	0.00%
	Nguyễn Đình Ái	Em trai	-	0.00%
2	<b>Nguyễn Ngọc Dũng</b>	Thành viên BKS	59,856	1.17%
	Đinh Thị Bích Thanh	Vợ	-	0.00%
	Nguyễn Trung Nghĩa	Con	-	0.00%
	Nguyễn Trọng Nhẫn	Con	-	0.00%
3	<b>Vũ Thái Hòa</b>	Thành viên BKS	52,180	0.78%
	Bạch Lê Phương	Vợ	-	0.00%
	Vũ Hải Linh	Con	10,000	0.13%



**3. Thủ lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Người quản lý năm 2012:**

Họ Tên	Thủ Lao	Tiền Lương Thực Nhận	Tổng Thu Nhập	Ghi Chú
<i>Hội Đồng Quản Trị</i>				
TÔN THẤT MẠNH	11,351,956	205,279,300	216,631,256	
LÊ HỮU THUẦN	11,351,956	428,333,300	439,685,256	TGD
VŨ HẢI BẰNG	5,351,956	-	5,351,956	
NGUYỄN VĂN NAM	11,351,956	-	11,351,956	
NGUYỄN VŨ THỊNH	11,351,956	-	11,351,956	
LÊ VĂN BÂY	11,351,956	158,997,554	170,349,510	Xí Nghiệp
BÙI HẢI QUÂN	2,351,956	-	2,351,956	
<i>Ban Kiểm Soát</i>				
NGUYỄN ĐÌNH MINH	11,351,956	116,342,276	127,694,232	
VŨ THÁI HÒA	8,351,956	-	8,351,956	
NGUYỄN NGỌC DŨNG	8,351,956	-	8,351,956	
<i>Ban Tổng Giám Đốc</i>				
NGUYỄN TRUNG HIẾU	-	206,000,334	206,000,334	P.TGD
PHẠM HUỆ HÙNG	-	141,931,078	141,931,078	P.TGD
<i>Kế Toán Trưởng</i>				
THÁI THANH THỦY	-	146,344,035	146,344,035	
<i>Thư Ký HĐQT</i>				
TÔN THẤT KỲ NAM	12,000,000	52,502,074	64,502,074	

**Phê duyệt của HĐQT về các giao dịch Hợp đồng với cổ đông nội bộ, có liên quan cổ đông nội bộ trong năm 2012**

- Doanh nghiệp tư nhân Nam Vũ đại diện là Ông Nguyễn Anh Kiệt, giá trị giao dịch bán: 7.431.358.704 đồng "V/v tiêu thụ sản phẩm tấm lợp của công ty" là Người có liên quan với hành viên Hội đồng quản trị Nguyễn Văn Nam
- Ông Nguyễn Vũ Thịnh (TGD CTCPPT Saigon) giá trị giao dịch mua: 30.636.844.152 đồng "V/v cung cấp xi măng công nghiệp cho việc sản xuất tấm lợp".

**Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty 2012**

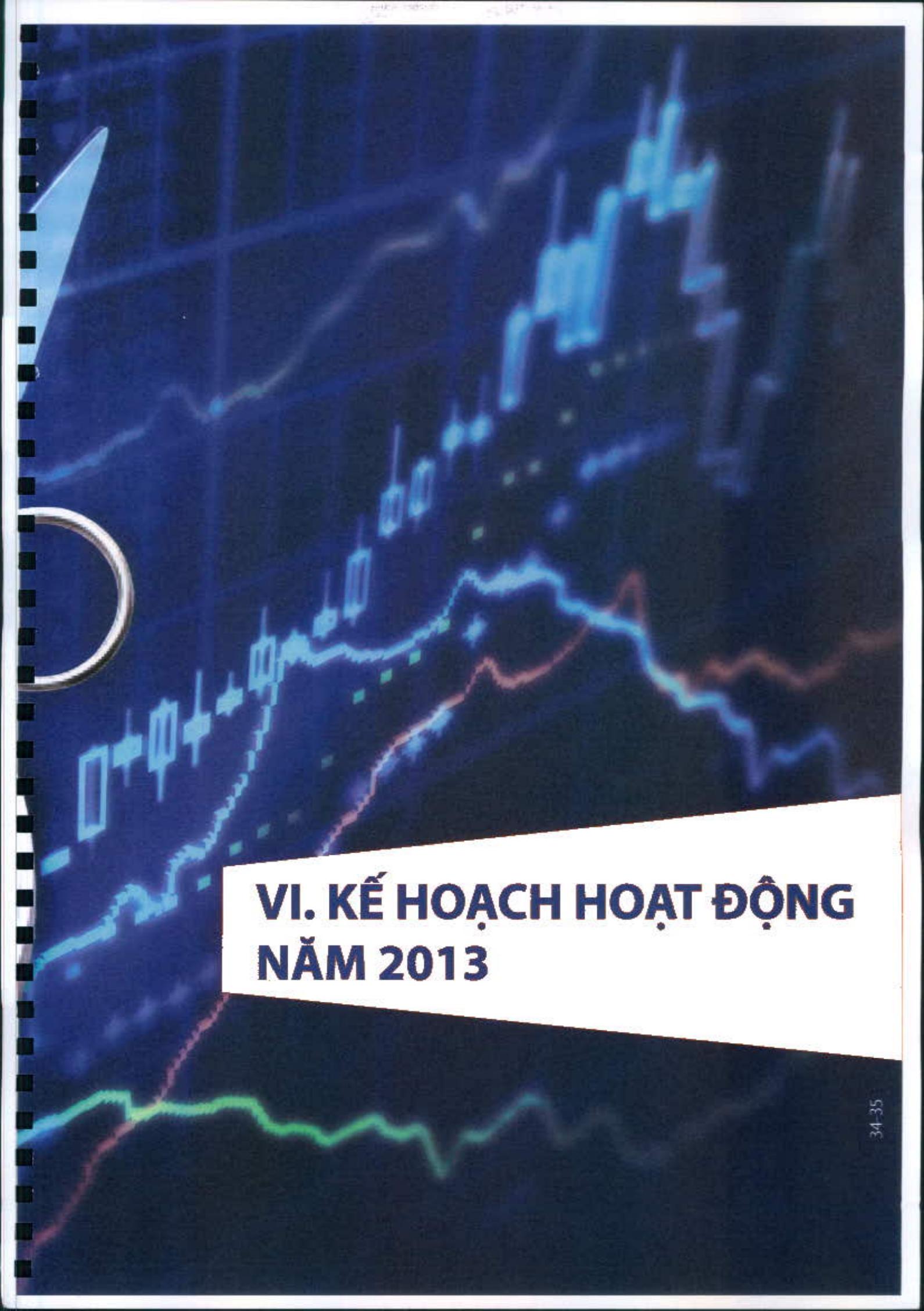
Thực hiện công tác công bố thông tin đầy đủ, kịp thời theo Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012.



7990

345





## **VI. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013**

## **1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013:**

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: 203.214.000.000 đồng (118,34% so năm 2012)
  - Tổng lợi nhuận trước thuế: 12.119.000.000 đồng (246,71% so năm 2012)
- Tỉ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu : 5,96%
- Tỉ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ: 15,15%
- Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ: 11,77%

## **2. Kế hoạch trích lập quỹ và chi cổ tức năm 2013:**

- Trích lập quỹ :
- |                            |  |
|----------------------------|--|
| Quỹ đầu tư và phát triển : | được trích lập 8% từ lợi nhuận sau thuế. |
| Quỹ dự phòng tài chính :   | được trích lập 2% từ lợi nhuận sau thuế. |
| Quỹ khen thưởng :          | được trích lập 2% từ lợi nhuận sau thuế. |
| Quỹ phúc lợi :             | được trích lập 2% từ lợi nhuận sau thuế. |
- Mức chi cổ tức năm 2013 : 9%/năm

## **3.Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2013:**

Mức Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2013: 3% lợi nhuận sau thuế và trích lập các quỹ.

## **4. Công tác tổ chức:**

- Cấu trúc lại bộ máy theo hướng tinh gọn, năng động đảm bảo việc thông tin thông suốt.
- Nhân sự phù hợp với cấu trúc bộ máy, có tính cộng đồng trách nhiệm
- Xây dựng lại quy chế lương thưởng để kích thích mọi người làm việc theo năng suất và hiệu quả
- Xây dựng văn hoá công ty: mọi người toàn tâm toàn ý, chung sức vượt qua thử thách

## **5. Công tác tài chính:**

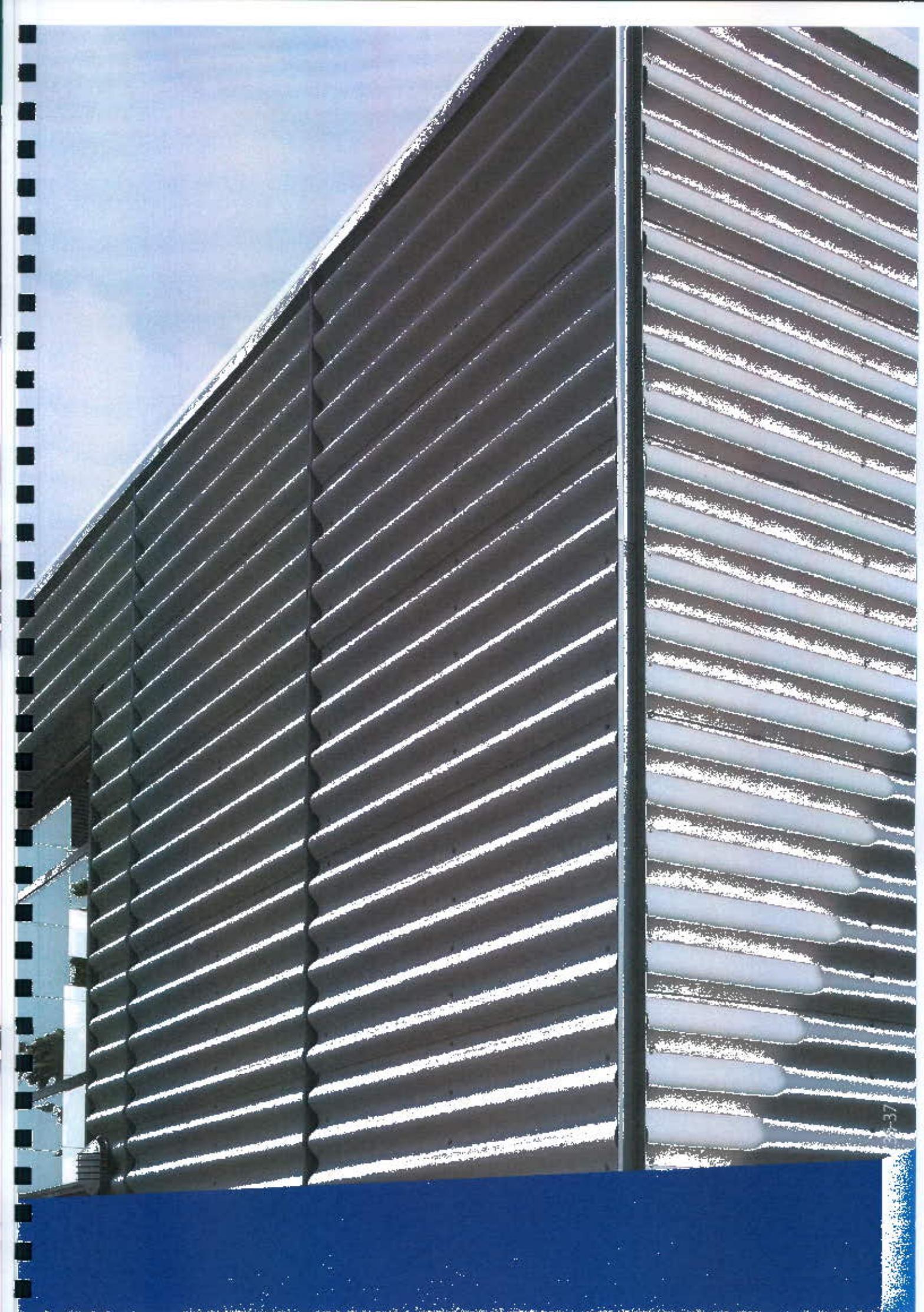
- Tập trung giải quyết hàng tồn kho để tái cơ cấu tài chính
- Hoạch định kế hoạch tài chính của công ty và kế hoạch chi tiết đến các đơn vị trực thuộc, có các biện pháp cụ thể trong từng thời kỳ và có các giải pháp ứng phó đối với các tình huống phát sinh
- Xây dựng hệ thống thông tin mạnh để tập trung toàn bộ tài nguyên nhân vật lực và phân quyền để sử dụng một cách hợp lý và hiệu quả. Có các công cụ cảnh báo để phát hiện kịp thời xử lý rủi ro.

## **6. Công tác thị trường:**

- Xây dựng chiến lược tiêu thụ sản phẩm, thị trường trong từng giai đoạn phù hợp với khả năng tài chính công ty.
- Nghiên cứu khảo sát thị trường tấm xi măng sợi PVA, xác định khách hàng tiềm năng và các phương án cụ thể cho việc tiêu thụ sản phẩm.

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty





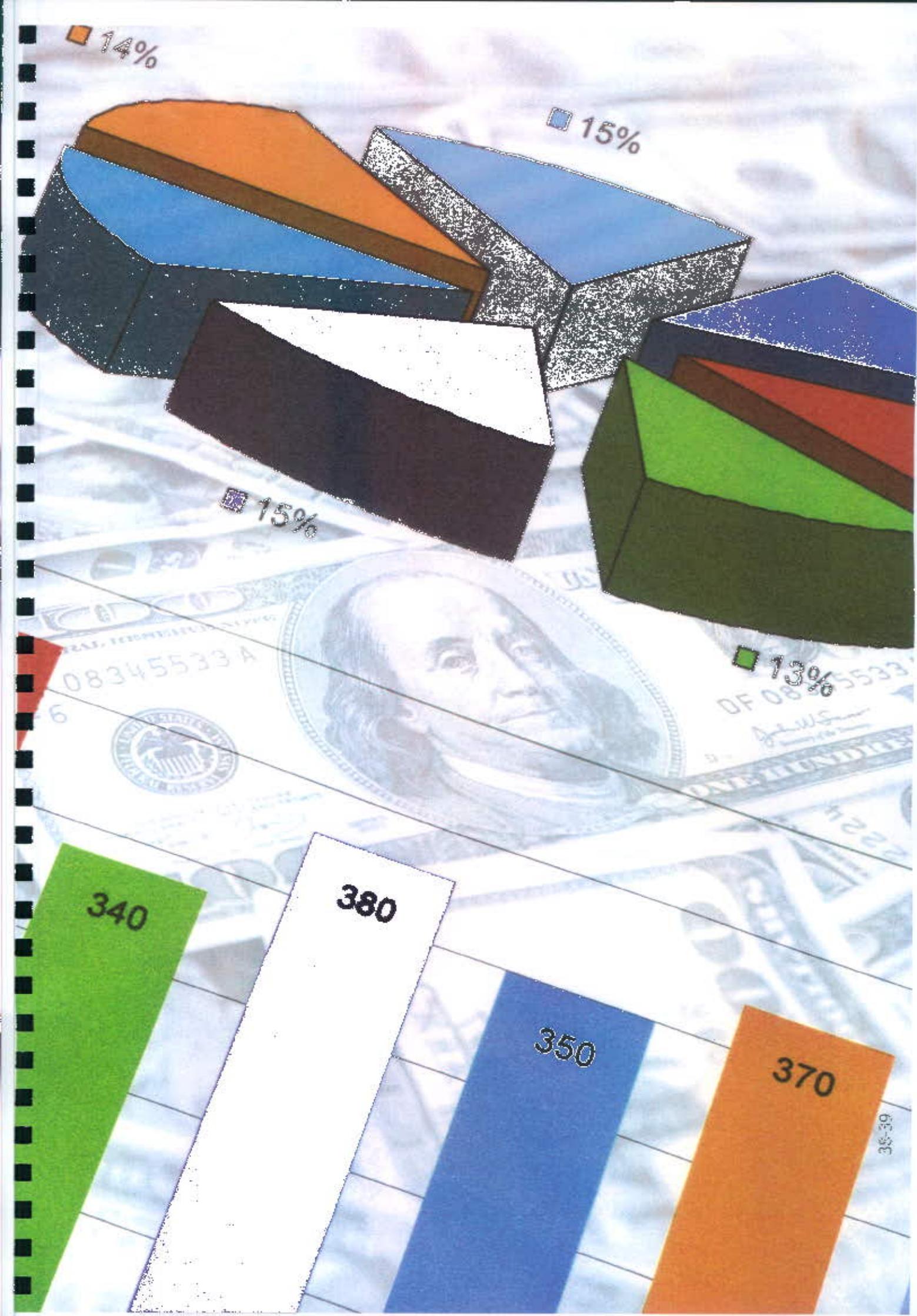
## VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9  
454,95  
450  
500

14%

406,5  
361,6  
331,1  
0,4  
250  
300  
350  
400  
450

420





**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM  
Auditing & Information Services Company Limited**

Offline: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh  
Tel: (84.8) 39305163  
Email: asisc@asic.com.vn

Website: www.asic.com.vn



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾ THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012  
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Nam Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 20 tháng 02 năm 2013 của **Công Ty Cổ PhẦn Nam Việt** từ trang 04 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm Tổng Giám đốc quý Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của Chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. HCM, ngày 18 tháng 03 năm 2013

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**Nguyễn Thị Thanh Huyền**  
Số chứng chỉ KTV: 1176/KTV  
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



**Đặng Ngọc Tú**

Số chứng chỉ KTV: 0213/KTV  
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 18 F Tầng Nhơn Phú, Phường Phước Long B, Quận 9, TP.Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỔI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		136,052,715,753	129,418,650,740
	(100 = 110+120+130+140+150)				
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	V.01	5,401,944,760	13,033,752,421
	1. Tiền	111		1,201,944,760	592,752,433
	2. Các khoản tương đương tiền	112		4,200,000,000	12,500,100,000
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120		-	-
	1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	122		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130	V.02	45,936,600,714	40,467,940,219
	1. Phải thu của khách hàng	131		37,338,781,318	37,674,322,508
	2. Trả trước cho người bán	132		12,148,351,421	11,805,266,140
	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
	4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
	5. Các khoản phải thu khác	138		1,668,022,158	1,582,312,513
	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(5,218,554,183)	(5,107,942,446)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	140	V.03	81,611,306,897	70,436,350,637
	1. Hàng tồn kho	141		83,842,101,951	70,968,483,382
	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2,197,795,054)	(6,817,774,853)
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	150	V.04	3,069,863,382	1,421,479,312
	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,033,615,333	421,777,727
	2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,101,474,313	432,912,615
	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		424,050,938	-
	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
	5. Tài sản ngắn hạn khác	158		510,722,798	467,983,667

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>			47,066,331,914	44,133,127,307
	(200 = 210+220+240+250+260)				
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	220		35,568,231,914	32,635,027,307
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	14,325,765,011	16,760,234,454
	- Nguyên giá	222		47,741,412,731	47,741,412,731
	- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(33,415,647,720)	(30,981,178,277)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn luỹ kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.06	13,774,278,800	14,561,209,962
	- Nguyên giá	228		1,4674,377,750	14,674,377,750
	- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		(900,098,950)	(113,167,788)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	7,468,188,103	1,313,582,891
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	240		-	-
	- Nguyên giá	241		-	-
	- Giá trị hao mòn luỹ kế	242		-	-
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	250		11,498,100,000	11,498,100,000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.08	11,498,100,000	11,498,100,000
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	260		-	-
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	270		183,119,047,667	169,552,487,047

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	300		89,662,972,248	72,533,066,491
I.	<b>Nợ ngắn hạn</b>	310		88,610,515,229	71,604,541,363
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	56,166,079,819	23,893,745,341
2.	Phải trả cho người bán	312	V.10	11,475,540,652	16,620,324,112
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.11	6,884,396,546	8,553,264,328
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	1,074,137,479	3,098,132,260
5.	Phải trả người lao động	315		2,279,029,916	3,590,254,113
6.	Chi phí phải trả	316	V.13	1,898,537,392	493,117,655
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	8,814,143,004	13,044,613,013
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		18,650,421	315,502,562
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
II.	<b>Nợ dài hạn</b>	330		1,052,457,019	936,624,162
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	41,193,502
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		1,052,457,019	936,624,162
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
B.	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	400		93,456,075,420	97,014,421,556
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.15	93,456,075,420	97,014,421,556
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80,000,000,000	80,000,000,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		(190,000)	(190,000)
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	568,731,178
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		8,079,585,277	7,755,493,629
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		2,377,518,653	2,296,495,741
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2,999,161,489	6,393,891,008
11.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II.	<b>Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	440		183,119,047,667	169,552,487,047

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	CHỈ TIÊU		Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1.	Tài sản thuê ngoài			-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5.	Ngoại tệ các loại (USD)			7,647.39	9,864.00
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

TP. HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

Trần Thị Mỹ Thanh

Kế toán trưởng

Thái Thanh Thủy



Lê Hữu Thuận

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 18 F Tầng Nhơn Phú, Phường Phước Long B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16	171,720,538,452	182,889,741,344
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.17	171,720,538,452	182,889,741,344
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.18	140,951,984,574	143,895,811,775
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29,868,550,078	38,993,929,569
	(20 = 10-11)				
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19	3,692,935,034	1,546,567,770
7.	Chi phí tài chính	22	VI.20	3,971,458,152	4,154,913,067
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3,741,290,301	2,464,635,929
8.	Chi phí bán hàng	24	VI.21	6,479,638,522	10,623,703,500
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.22	14,672,878,177	9,763,699,935
10.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		353,7451,181	15,998,180,837
	(30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)				
11.	Thu nhập khác	31	VI.23	1,484,816,658	1,052,738,039
12.	Chi phí khác	32	VI.24	382,936,852	1,096,346,911
13.	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1,101,880,776	(43,608,872)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4,812,320,947	15,954,571,965
	(50 - 30 + 40)				
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.25	4,55,308,516	3,988,642,991
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4,476,932,421	11,965,928,9/4
	(60 = 50 - 51 - 52)				
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.27	508	1,196

TP. HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2013

Người lập biên

Trần Thị Mỹ Thành

Kế toán trưởng

Thai Thanh Thúy



Lê Hiếu Thuận

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Mẫu số B03 - DN

Địa chỉ: 18 F Tăng Nhơn Phú, Phường Phước Long B, Quận 9, TP.Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	<b>Chi Tiêu</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
<b>I. Lưu Chuyển Tiền Từ Hoạt Động Kinh Doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4,912,320,937	15,954,571,965	
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định	02	3,221,400,605	2,693,299,023	
- Các khoản dự phòng	03	5,778,623,794	893,940,174	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(425,786,816)	-	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3,117,837,441)	(657,363,575)	
- Chi phí lãi vay	06	3,741,250,301	2,464,635,929	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	14,109,971,380	21,349,083,516	
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09	(12,381,462,447)	11,316,169,540	
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10	(12,873,743,569)	(27,513,396,235)	
"- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả				
(không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)"	11	(5,007,092,858)	9,548,846,243	
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12	(511,837,606)	132,354,690	
- Tiền lãi vay đã trả	13	(3,741,250,301)	(2,464,635,929)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3,485,378,712)	(3,693,810,501)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	5,564,000	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(481,027,607)	(1,045,451,313)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(24,371,821,720)	7,634,724,011	
<b>II. Lưu Chuyển Tiền Từ Hoạt Động Đầu Tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(4,934,232,072)	(1,776,152,028)	
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	136,363,636	
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	156,351,000	
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25	-	-	
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26	-	-	
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	1,738,065,441	725,533,272	
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	(3,196,166,631)	(757,904,120)	

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 18 F Tầng Nhơn Phú, Phường Phước Long B, Quận 9, TP.Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B03 - DN

III. Lưu Chuyển Tiền Từ Hoạt Động Tài Chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	146,301,799,691	112,766,931,616
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(116,829,475,113)	(103,657,069,315)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9,597,924,000)	(12,019,976,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	19,874,400,578	(2,910,113,699)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ( $50 = 20 + 30 + 40$ )	50	(7,693,587,773)	3,966,706,192
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13,093,752,421	9,098,883,541
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1,780,112	28,162,688
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ( $70 = 50 + 60 + 61$ )	70	5,401,944,760	13,093,752,421

TP. HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

Trần Thị Mỹ Thanh

Kế toán trưởng

Thái Thanh Thúy



Lê Hữu Thuấn

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 18 F Tăng Nhơn Phú, Phường Phước Long B, Quận 9, TP.Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B09 - DN

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### 1. Thành lập

Công ty Cổ phần Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 0302205973 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2001 (số đăng ký kinh doanh: 4103000281), đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 12 tháng 08 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

### 2. Hình thức sở hữu vốn

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng).

### 3. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

### 4. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất tấm lợp, cấu kiện bê tông. Sản xuất vật liệu xây dựng. Sản xuất các loại nhà lắp ghép, phụ tùng - thiết bị - máy móc cơ khí. Thi công xây lắp công trình công nghiệp và dân dụng. Sản xuất, chế biến nông lâm thủy sản. Kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện theo khoản 1, Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản). Thiết kế: kiến trúc công trình công nghiệp, dân dụng, nội thất công trình. Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa. Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (việc cung cấp dịch vụ cần tiến hành song song với đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo hoặc mua lại khách sạn - không hoạt động tại trụ sở).

### Thông tin về Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc bao gồm:

### 5. Công ty Cổ phần Phát Triển Sài Gòn

Trụ sở chính: 143/7D Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001382: 30.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ phần sở hữu: 38%

## 6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

### 7. Tổng số nhân viên đến cuối năm

Tổng số nhân viên đến 31/12/2012: 496 người

Tổng số nhân viên đến 31/12/2011: 496 người

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các thông tư sửa đổi bổ sung.

## **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Hình thức kế toán áp dụng: nhật ký chung

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh:**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, ngoại trừ các thay đổi trong các chính sách kế toán trình bày dưới đây:

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp ("Thông tư 179") có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012, áp dụng từ năm tài chính 2012 và thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư 180/2012/TT-BTC hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp ("Thông tư 180") có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012. Thông tư này thay thế Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/8/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp.

Công ty đã áp dụng Thông tư 179, Thông tư 180 và thực hiện theo hướng dẫn của các Thông tư này cho năm hiện hành.

### **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

### **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

### **4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân giá quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

#### 5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

#### 5.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

#### 5.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ:

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 năm

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết: được ghi nhận khi công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các Công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp giá gốc là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập của các nhà đầu tư được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi Công ty khi xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

## **8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Là lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp; Được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

## **9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:**

Chi phí trả trước ngắn hạn tại công ty bao gồm: Chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí khác.. liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính về phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng.

## **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí phải trả:**

Chi phí phải trả: được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ là chi phí gia công làm hàng xuất khẩu, chi phí điện...

## **11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.

Chênh lệch tỷ giá được phản ánh là số chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hối tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hối tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

## **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu**

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư vào công ty liên kết).

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính của Công ty là chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ. Khoản chi phí này được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách Nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

### **15. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái**

Đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào cuối năm tài chính

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả) có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào Ngân hàng Công thương Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ. Tỷ giá quy đổi tại ngày 31/12/2012: 20.815 VND/USD.

Trong năm, Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179"), và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("VAS10") sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ theo VAS 10 khác biệt so với quy định trong Thông tư 179 như sau:

Nghiệp vụ	Xử lý kế toán theo Thông tư 179	Xử lý kế toán theo VAS 10
Đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (ngoại trừ các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ).	Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.	Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm cuối năm tài chính.
Số dư cuối kỳ của các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ	Không thực hiện đánh giá lại chênh lệch tỷ giá số dư cuối kỳ.	Thực hiện đánh giá lại chênh lệch tỷ giá số dư cuối kỳ.

Không có ảnh hưởng trọng yếu do sự khác biệt áp dụng Thông tư 179 so với Chuẩn mực kế toán số 10 đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

## 16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

### a. Nguyên tắc ghi nhận thông tin về các bên liên quan:

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết; các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng giám đốc, hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

### b. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.  
Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.  
Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh, còn báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

## 17. Công cụ tài chính

### Tài sản tài chính

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Theo thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, nợ và vay.

### Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tình hình tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

# NAVIFICO

Địa chỉ: Tầng 10 Tòa nhà Nhơn Phú, Phường Phước Long B, Quận 9, TP HCM, Việt Nam  
Điện thoại: (84) 837313443 - (84) 837313642 - (84) 837313991 Fax: (84) 837313641  
Web: [www.navifico.vn](http://www.navifico.vn) Email: [navifinfo@navifico-corp.com](mailto:navifinfo@navifico-corp.com)